

Số: /TB-QBVR

Điện Biên, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

Tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2023 lưu vực Sông Đà cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Nhé

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Kế hoạch thu, chi và dự toán chi quản lý năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh Kế hoạch thu, chi và dự toán chi quản lý năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh quy định số lần, thời gian, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 1308/CCKL-QBVR ngày 28/11/2023 của Chi cục Kiểm lâm về việc xác nhận diện tích đủ điều kiện thực hiện tạm ứng tiền DVMTR năm 2022 đối với chủ rừng là tổ chức.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thông báo tạm ứng tiền chi trả DVMTR năm 2023 lưu vực Sông Đà cho các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng bản, UBND xã và tổ chức khác trên địa bàn huyện Mường Nhé cụ thể như sau:

1. Thời gian tạm ứng

Quỹ tỉnh chuyển tiền tạm ứng DVMTR năm 2023 qua tài khoản Ngân hàng, Kho bạc cho các chủ rừng, thời gian chuyển tiền trong tháng 12 năm 2023.

2. Diện tích được chi trả tạm ứng năm 2023 là: Diện tích cung ứng 80.423,285 ha; diện tích quy đổi 79.251,332ha, trong đó:

- + Chủ rừng là tổ chức: Cung ứng 36.081,67 ha; quy đổi 35.400,605ha;
- + Chủ rừng hộ gia đình, cộng đồng bản, tổ chức khác và UBND xã: Cung ứng 44.341,615 ha; quy đổi 43.850,727ha.

3. Tổng số tiền tạm ứng năm 2023: 31.700.532.800 đồng, trong đó:

- Chủ rừng là tổ chức: 14.162.242.000 đồng;
- Chủ rừng hộ gia đình, cộng đồng bản, tổ chức khác và UBND xã: 17.540.290.800 ha.

(Có biểu thông báo chi tiết kèm theo)

4. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị UBND các xã:

+ Niêm yết công khai thông báo lên "Bảng thông báo chính sách chi trả DVMTR" tại UBND xã; thông báo đến các chủ rừng (qua trưởng bản) số tiền DVMTR tạm ứng năm 2023;

+ Thông báo tới các chủ rừng nhận tiền DVMTR khi Ngân hàng có kế hoạch chi trả trong ngày giao dịch tại UBND xã;

- Đề nghị Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội: Thông báo kế hoạch chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng trên địa bàn các xã.

- Đề nghị các chủ rừng:

+ Đối với chủ rừng là tổ chức (Ban Quản lý Khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé) căn cứ số tiền theo thông báo, xây dựng giấy đề nghị chuyển tiền gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

+ Đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng bản nhận tiền DVMTR tại UBND xã trong ngày giao dịch của Ngân hàng chính sách xã hội, nhận tiền khi Ngân hàng có thông báo chi trả.

+ Đối với tổ chức khác và UBND xã chuẩn bị thủ tục theo quy định nhận tiền DVMTR tại Kho Bạc Nhà nước huyện Mường Nhé.

Mọi khó khăn, vướng mắc xin liên hệ đường dây nóng của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, số điện thoại liên hệ: 0326.711.661

Trên đây là thông báo tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2023 lưu vực Sông Đà cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Nhé, đề nghị các chủ rừng và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động thực hiện. /s/

Nơi nhận: /s/

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Mường Nhé;
- Chi cục Kiểm lâm;
- P. CT UBND huyện phụ trách NL;
- Hạt Kiểm lâm huyện Mường Nhé;
- Kho Bạc Nhà nước huyện Mường Nhé;
- Phòng giao dịch NHCSXH huyện (Phối hợp);
- Ban quản lý KDTN Mường Nhé;
- UBND các xã huyện Mường Nhé;
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, địa chỉ: <http://fpdf.dienbien.gov.vn>;
- Lưu: VT, KH-KT.

(B/c)

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

**THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023,
LƯU VỰC SÔNG ĐÀ**

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên huyện: Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
I	Chủ rừng là hộ gia đình, cộng đồng, tổ chức khác và UBND xã	44.341,615	43.850,7270		17.540.290.800	
1	Xã Chung hải	2.643,190	2.643,1900	400.000	1.057.276.000	
2	Xã Huổi Léch	5.224,190	5.224,1900	400.000	2.089.676.000	
3	Xã Leng Su Sin	1.520,185	1.520,1850	400.000	608.074.000	
4	Xã Mường Nhé	3.775,230	3.775,2300	400.000	1.510.092.000	
5	Xã Mường Toong	2.979,080	2.979,0800	400.000	1.191.632.000	
6	Xã Nậm Kè	1.789,110	1.789,1100	400.000	715.644.000	
7	Xã Nậm Vì	2.048,080	2.048,0800	400.000	819.232.000	
8	Xã Pá Mý	1.481,080	1.481,0800	400.000	592.432.000	
9	Xã Quảng Lâm	5.248,490	5.248,4900	400.000	2.099.396.000	
10	Xã Sen Thượng	12.724,100	12.724,1000	400.000	5.089.640.000	
11	Xã Sín Thầu	4.908,880	4.417,9920	400.000	1.767.196.800	
II	Chủ rừng là tổ chức	36.081,670	35.400,6050		14.160.242.000	
1	BQL Khu Bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé	36.081,670	35.400,6050	400.000	14.160.242.000	
Tổng cộng		80.423,285	79.251,3320		31.700.532.800	

Đơn giá tạm ứng năm 2023 : 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên bên cung ứng: Ban quản lý khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé
2. Địa chỉ: Xã Chung Chải, Huyện Mường Nhé, Tỉnh Điện Biên
3. Nội dung chi tiết

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
1	Nhà máy Thủy Điện Sơn La	36.081,67	35.400,605	100.000	3.540.060.500	
2	Nhà máy Thủy Điện Hòa Bình	36.081,67	35.400,605	100.000	3.540.060.500	
3	Nhà máy Thủy Điện Lai Châu	36.081,67	35.400,605	200.000	7.080.121.000	
Tổng		108.245,01	106.201,815	400.000	14.160.242.000	

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023,
 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ**

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên xã: Quảng Lâm, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
I	HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN	270,700	270,7000		108.280.000	
	Bản Dền Thành					
1	Giàng Thị Toong	0,310	0,3100	400.000	124.000	
2	Hồ A Cá	3,420	3,4200	400.000	1.368.000	
3	Giàng A Chu	1,130	1,1300	400.000	452.000	
4	Giàng A Cửa	4,790	4,7900	400.000	1.916.000	
5	Giàng A Chứ	4,340	4,3400	400.000	1.736.000	
6	Mùa A Dơ	1,340	1,3400	400.000	536.000	
7	Mùa A Chứ	0,320	0,3200	400.000	128.000	
8	Mùa A Thánh	4,050	4,0500	400.000	1.620.000	
9	Giàng A Tình	0,440	0,4400	400.000	176.000	
10	Giàng A Vang	2,730	2,7300	400.000	1.092.000	
11	Giàng A Cá	2,150	2,1500	400.000	860.000	
12	Mùa A Dưa	0,800	0,8000	400.000	320.000	
	Bản Huổi Lấp					
13	Vàng A Lữ	27,060	27,0600	400.000	10.824.000	
14	Giàng A Sinh	19,150	19,1500	400.000	7.660.000	
15	Vàng A Sú	25,040	25,0400	400.000	10.016.000	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
16	Vàng A Dính	14,940	14,9400	400.000	5.976.000	
17	Giàng A Chính	18,350	18,3500	400.000	7.340.000	
18	Vàng A Sừ	24,190	24,1900	400.000	9.676.000	
19	Vàng A Phìn	14,090	14,0900	400.000	5.636.000	
20	Vàng A Dề	14,280	14,2800	400.000	5.712.000	
21	Vàng A Thanh	17,650	17,6500	400.000	7.060.000	
22	Ma Seo Phà	1,710	1,7100	400.000	684.000	
23	Sùng A Sù	4,010	4,0100	400.000	1.604.000	
24	Sùng A Sềng	1,650	1,6500	400.000	660.000	
25	Giàng A Mềnh	2,200	2,2000	400.000	880.000	
26	Lý A Vần	0,300	0,3000	400.000	120.000	
27	Lý A Di	3,630	3,6300	400.000	1.452.000	
28	Sùng A Sừ	3,420	3,4200	400.000	1.368.000	
29	Thào A Sừ (Thào Seo Sừ)	1,860	1,8600	400.000	744.000	
30	Giàng Thị Sóc	1,140	1,1400	400.000	456.000	
31	Sùng A Thìn	2,970	2,9700	400.000	1.188.000	
32	Sùng A Vàng	0,440	0,4400	400.000	176.000	
33	Lý A Páo	2,470	2,4700	400.000	988.000	
34	Giành A Lảnh	0,950	0,9500	400.000	380.000	
Bản Huỗi Sái Lương						
35	Thào A Lảnh	1,480	1,4800	400.000	592.000	
36	Giàng Seo Lao	6,670	6,6700	400.000	2.668.000	
37	Sùng A Sinh	3,410	3,4100	400.000	1.364.000	
38	Thào A Chu	2,750	2,7500	400.000	1.100.000	
39	Thào A Khư	0,850	0,8500	400.000	340.000	
40	Thào A Páo	2,950	2,9500	400.000	1.180.000	
41	Thào A Khu	1,050	1,0500	400.000	420.000	
42	Thào A Sinh	7,140	7,1400	400.000	2.856.000	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
43	Thào A Khoa	17,080	17,0800	400.000	6.832.000	
II	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	4.415,370	4.415,3700		1.766.148.000	
1	Cộng đồng bản Quảng Lâm	2.135,200	2.135,2000	400.000	854.080.000	
2	Cộng đồng bản Trăm Púng	685,930	685,9300	400.000	274.372.000	
3	Cộng đồng bản Huổi Sái Lương	549,810	549,8100	400.000	219.924.000	
4	Cộng đồng nhóm bản Huổi Súc	13,230	13,2300	400.000	5.292.000	
5	Cộng đồng bản Chà Nọi 1	542,940	542,9400	400.000	217.176.000	
6	Cộng đồng bản Tàng Phon	74,390	74,3900	400.000	29.756.000	
7	Cộng đồng bản Huổi Lấp	40,870	40,8700	400.000	16.348.000	
8	Cộng đồng bản Dền Thàng	225,010	225,0100	400.000	90.004.000	
9	Cộng đồng bản Chà Nọi 2	147,990	147,9900	400.000	59.196.000	
III	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ	562,420	562,4200		224.968.000	
1	UBND xã Quảng Lâm	562,420	562,4200	400.000	224.968.000	
Tổng cộng (I+II+III)		5.248,490	5.248,4900	-	2.099.396.000	

Đơn giá tạm ứng năm 2023 : 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023,
LƯU VỰC SÔNG ĐÀ**

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên xã: Pá Mỳ, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
I	Hộ gia đình, cá nhân	64,860	64,8600		25.944.000	
Bản Huỗi Lích 2						
1	Tần Lở Mây	1,280	1,2800	400.000	512.000	
2	Vàng Lao Tả	16,570	16,5700	400.000	6.628.000	
3	Tần Diều Phiêu	2,490	2,4900	400.000	996.000	
4	Vàng Thông Phù	6,300	6,3000	400.000	2.520.000	
5	Phùng Kiềm Nhân	1,010	1,0100	400.000	404.000	
6	Tần Tả Mây	2,820	2,8200	400.000	1.128.000	
7	Vàng Xuân Nhàn	7,640	7,6400	400.000	3.056.000	
8	Phàn Phổng Chu	1,400	1,4000	400.000	560.000	
9	Chảo Sứ Mây	0,590	0,5900	400.000	236.000	
10	Vàng Xuân Tìn	0,970	0,9700	400.000	388.000	
11	Vàng Thông Dìn	0,790	0,7900	400.000	316.000	
12	Tần Chín Phin	0,720	0,7200	400.000	288.000	
13	Vàng Sứ Mây	2,760	2,7600	400.000	1.104.000	
14	Vàng Xuân Phây	0,830	0,8300	400.000	332.000	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
Bản Huồi Lụ 1					-	
15	Chèo Chín Khuôn	0,230	0,2300	400.000	92.000	
16	Lý Sỹ Mây	0,770	0,7700	400.000	308.000	
17	Tần Láo Lờ	2,280	2,2800	400.000	912.000	
18	Lý Tả Mây	0,770	0,7700	400.000	308.000	
19	Tần Sài Chín	1,640	1,6400	400.000	656.000	
20	Tần Sài Suần	0,960	0,9600	400.000	384.000	
21	Tần Tả Mây	0,880	0,8800	400.000	352.000	
Bản Pá Mỹ 1					-	
22	Giàng A Lênh	2,690	2,6900	400.000	1.076.000	
23	Giàng A Phừ	0,870	0,8700	400.000	348.000	
24	Giàng A Si	1,150	1,1500	400.000	460.000	
25	Giàng A Hờ	1,010	1,0100	400.000	404.000	
Bản Huồi Pết					-	
26	Cháng A Hàng	0,300	0,3000	400.000	120.000	
27	Chảo Phụ Tinh	3,770	3,7700	400.000	1.508.000	
28	Tráng A Nhè	1,370	1,3700	400.000	548.000	
II	Cộng đồng dân cư	1.147,610	1.147,6100		459.044.000	
1	Cộng đồng bản Huồi Lích 2	244,370	244,3700	400.000	97.748.000	
2	Cộng đồng bản Huồi Lụ 1	98,330	98,3300	400.000	39.332.000	
3	Cộng đồng bản Huồi Lụ 2	356,560	356,5600	400.000	142.624.000	
4	Cộng đồng bản Huồi Lích 1	124,180	124,1800	400.000	49.672.000	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
5	Cộng đồng bản Huổi Pét	152,260	152,2600	400.000	60.904.000	
6	Cộng đồng bản Pá Mỹ 1	28,500	28,5000	400.000	11.400.000	
7	Cộng đồng bản Pá Mỹ 2	15,020	15,0200	400.000	6.008.000	
8	Cộng đồng bản Pá Mỹ 3	27,760	27,7600	400.000	11.104.000	
9	Cộng đồng bản Tàng Phon	100,630	100,6300	400.000	40.252.000	
III	Ủy ban nhân dân xã	268,610	268,6100		107.444.000	
1	Ủy ban nhân dân xã Pá Mỹ	268,610	268,6100	400.000	107.444.000	
Tổng cộng (I+II+III)		1.481,080	1.481,0800		592.432.000	

Đơn giá tạm ứng năm 2023 : 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023,
 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ**

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên xã: Nậm Kè , huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
I	Hộ gia đình, cá nhân	25,940	25,9400		10.376.000	
	Bản Nậm Kè					
1	Lùng Văn Hặc	0,200	0,2000	400.000	80.000	
2	Hù Văn Sâm	1,420	1,4200	400.000	568.000	
3	Hù Văn Đôi	0,320	0,3200	400.000	128.000	
4	Lùng Thị En	2,330	2,3300	400.000	932.000	
5	Hù Chà Núi	2,550	2,5500	400.000	1.020.000	
6	Hù Thị Nhung	1,110	1,1100	400.000	444.000	
7	Lò Văn Lập	0,800	0,8000	400.000	320.000	
8	Mào Văn Mai	0,660	0,6600	400.000	264.000	
	Bản Phiêng Vai					
9	Đào Văn Cương	5,080	5,0800	400.000	2.032.000	
10	Lò Văn Bình	5,920	5,9200	400.000	2.368.000	
	Bản Chuyên Gia 2				-	
11	Giàng A Cha	4,740	4,7400	400.000	1.896.000	
	Bản Huổi Hóc				-	
12	Sùng A Dơ	0,810	0,8100	400.000	324.000	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
II	Cộng đồng dân cư	880,050	880,0500		352.020.000	
1	Cộng đồng bản Chuyên Gia 1	13,290	13,2900	400.000	5.316.000	
2	Cộng đồng bản Chuyên Gia 3	56,240	56,2400	400.000	22.496.000	
3	Cộng đồng bản Huổi Hóc	163,160	163,1600	400.000	65.264.000	
4	Cộng đồng bản Huổi Thanh 2	108,100	108,1000	400.000	43.240.000	
5	Cộng đồng bản Nậm Kè	65,670	65,6700	400.000	26.268.000	
6	Cộng đồng bản Phiêng Vai	405,280	405,2800	400.000	162.112.000	
7	Cộng đồng bản Huổi Khon 1	68,310	68,3100	400.000	27.324.000	
III	Ủy ban nhân dân xã	883,120	883,1200		353.248.000	
i	Ủy ban nhân dân xã Nậm Kè	883,120	883,1200	400.000	353.248.000	
Tổng (I+II+III)		1.789,110	1.789,1100		715.644.000	

Đơn giá tạm ứng năm 2023 : 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023,
 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ**

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên xã: Mường Toong , huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
I	Hộ gia đình, cá nhân (17 HGD)	98,400	98,4000		39.360.000	
	Bản Nậm Xả					
1	Sùng Thị Mái	3,360	3,3600	400.000	1.344.000	
2	Lầu Sớ Sừ	12,960	12,9600	400.000	5.184.000	
3	Lầu Giồng Sừ	3,630	3,6300	400.000	1.452.000	
4	Lầu Giồng Ly	4,770	4,7700	400.000	1.908.000	
5	Lầu Giồng Già	12,630	12,6300	400.000	5.052.000	
6	Lầu A Thành	3,970	3,9700	400.000	1.588.000	
7	Lầu A Súa	3,560	3,5600	400.000	1.424.000	
8	Lầu A Sinh	3,040	3,0400	400.000	1.216.000	
9	Lầu A Ninh	0,690	0,6900	400.000	276.000	
10	Lầu A Khá	3,010	3,0100	400.000	1.204.000	
11	Lầu A Đế	20,760	20,7600	400.000	8.304.000	
12	Giàng Thị Sùng	5,250	5,2500	400.000	2.100.000	
13	Giàng Thị Dính	5,080	5,0800	400.000	2.032.000	
14	Giàng A Thái	8,160	8,1600	400.000	3.264.000	
	Bản Nậm Pan					
15	Vừ Vàng Sinh	2,380	2,3800	400.000	952.000	

pcp

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
16	Vừ Sía Sang	1,830	1,8300	400.000	732.000	
17	Vừ A Dũng	3,320	3,3200	400.000	1.328.000	
II	Cộng đồng dân cư (10CĐ)	2.666,500	2.666,5000		1.066.600.000	
1	Cộng đồng bản Huổi Pinh	584,750	584,7500	400.000	233.900.000	
2	Cộng đồng bản Mường Toong 1	151,780	151,7800	400.000	60.712.000	
3	Cộng đồng bản Mường Toong 2	88,370	88,3700	400.000	35.348.000	
4	Cộng đồng bản Mường Toong 3	140,020	140,0200	400.000	56.008.000	
5	Cộng đồng bản Nậm Pan	108,310	108,3100	400.000	43.324.000	
6	Cộng đồng bản Nậm Xả	496,910	496,9100	400.000	198.764.000	
7	Cộng đồng bản Ngã Ba	271,700	271,7000	400.000	108.680.000	
8	Cộng đồng bản Yên	488,140	488,1400	400.000	195.256.000	
9	Cộng đồng nhóm bản Huổi Đanh	257,110	257,1100	400.000	102.844.000	
10	Cộng đồng nhóm bản Nậm Hà	79,410	79,4100	400.000	31.764.000	
III	Ủy ban nhân dân xã	214,180	214,1800		85.672.000	
1	Ủy ban nhân dân xã Mường Toong	214,180	214,1800	400.000	85.672.000	
Tổng (I+II+III)		2.979,080	2.979,0800		1.191.632.000	

Đơn giá tạm ứng năm 2023 : 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023, LƯU VỰC SÔNG ĐÀ

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên xã: Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
I	Hộ gia đình, cá nhân	41,800	41,8000		16.720.000	
	Bản Nậm San 1					
1	Sùng Thị Mỹ	9,410	9,4100	400.000	3.764.000	
2	Sùng A Chia	24,130	24,1300	400.000	9.652.000	
	Bản Nậm Pô 3					
3	Thào A Màng	8,260	8,2600	400.000	3.304.000	
II	Cộng đồng dân cư	3.564,430	3.564,4300		1.425.772.000	
1	Cộng đồng bản Mường Nhé	788,520	788,5200	400.000	315.408.000	
2	Cộng đồng bản Nậm Là	1.005,760	1.005,7600	400.000	402.304.000	
3	Cộng đồng bản Nậm san 1	1.123,210	1.123,2100	400.000	449.284.000	
4	Cộng đồng bản Phiêng Kham	357,900	357,9000	400.000	143.160.000	
5	Cộng đồng bản Nậm san 2	48,160	48,1600	400.000	19.264.000	
6	Cộng đồng bản Mường Nhé 2	133,390	133,3900	400.000	53.356.000	
7	Cộng đồng bản Co Lót	20,430	20,4300	400.000	8.172.000	
8	Cộng đồng bản Huổi Cọ	23,010	23,0100	400.000	9.204.000	
9	Cộng đồng bản Nà Pán	64,050	64,0500	400.000	25.620.000	
III	Ủy ban nhân dân xã	169,000	169,0000		67.600.000	
1	Ủy ban nhân dân xã Mường Nhé	169,000	169,0000	400.000	67.600.000	
	Tổng cộng (I+II+III)	3.775,230	3.775,2300		1.510.092.000	

Đơn giá tạm ứng năm 2023 : 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023, LƯU VỰC SÔNG ĐÀ

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên xã: Leng Su Sìn , huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
I	Hộ gia đình, cá nhân	46,850	46,8500		18.740.000	
	Bản Leng Su Sìn					
1	Sùng Sùng Giá	15,180	15,1800	400.000	6.072.000	
2	Khoảng Thị Trinh	23,650	23,6500	400.000	9.460.000	
	Bản Phứ Ma (01 HGĐ)					
3	Sùng Go Lòng	1,830	1,8300	400.000	732.000	
	Bản Suối Voi					
4	Chang Sàng Hòa	3,170	3,1700	400.000	1.268.000	
	Bản Cà Là Pá 1					
5	Sùng A Vàng	0,350	0,3500	400.000	140.000	
6	Sùng Văn Mìn	2,670	2,6700	400.000	1.068.000	
II	Cộng đồng dân cư	1.269,825	1.269,8250		507.930.000	
1	Cộng đồng bản Leng Su Sìn	584,550	584,5500	400.000	233.820.000	
2	Cộng đồng bản Phứ Ma	335,370	335,3700	400.000	134.148.000	
3	Cộng đồng bản Suối Voi	280,005	280,0050	400.000	112.002.000	
4	Cộng đồng bản Gia Chứ	39,950	39,9500	400.000	15.980.000	
5	CD bản Cà Là Pá 1	6,260	6,2600	400.000	2.504.000	
6	Cộng đồng bản Á Di	23,690	23,6900	400.000	9.476.000	
III	Ủy ban nhân dân xã	203,510	203,5100		81.404.000	
1	Ủy ban nhân dân xã Leng Su Sìn	203,510	203,5100	400.000	81.404.000	
	Tổng cộng (I+II+III)	1.520,185	1.520,1850		608.074.000	

Đơn giá tạm ứng năm 2023 : 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023, LƯU VỤ C SÔNG ĐÀ

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên xã: Chung Chải, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
1	Cộng Đồng bản Đoàn Kết	1.078,61	1.078,6100	400.000	431.444.000	
2	Cộng đồng bản Nậm Khum	543,26	543,2600	400.000	217.304.000	
3	Cộng đồng bản Nậm Pắc	427,66	427,6600	400.000	171.064.000	
4	Cộng đồng bản Nậm Sin	281,27	281,2700	400.000	112.508.000	
5	Cộng đồng bản Nậm Vi	240,34	240,3400	400.000	96.136.000	
5	Cộng đồng bản Xà Quế	40,13	40,1300	400.000	16.052.000	
5	Cộng đồng bản Hua Sin	31,92	31,9200	400.000	12.768.000	
Tổng cộng		2.643,19	2.643,190		1.057.276.000	

Đơn giá tạm ứng năm 2023: 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023,
LƯU VỰC SÔNG ĐÀ**

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên xã: Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
I	Hộ gia đình, cá nhân (05)	126,430	113,7870		45.514.800	
1	Sùng Khò Nu	29,450	26,5050	400.000	10.602.000	
2	Giàng Phù Chừ	23,930	21,5370	400.000	8.614.800	
3	Phùng Go Mơ	16,770	15,0930	400.000	6.037.200	
4	Lò Thị Nguyệt	29,780	26,8020	400.000	10.720.800	
5	Pờ Phu De	26,500	23,8500	400.000	9.540.000	
II	Cộng đồng (07 CĐ)	4.782,450	4.304,2050		1.721.682.000	
1	Cộng đồng bản A Pa Chải	397,950	358,1550	400.000	143.262.000	
2	Cộng đồng bản Lý Mạ Tả	946,793	852,1137	400.000	340.845.480	
3	Cộng đồng bản Pờ Nhù Khò	314,820	283,3380	400.000	113.335.200	
4	Cộng đồng bản Tả Có Kỵ	527,890	475,1010	400.000	190.040.400	
5	Cộng đồng bản Tả Ko Khừ	2.048,414	1.843,5726	400.000	737.429.040	
6	Cộng đồng bản Tả Miêu	302,248	272,0232	400.000	108.809.280	
7	Cộng đồng bản Tả Sú Linh	244,335	219,9015	400.000	87.960.600	
Tổng cộng		4.908,880	4.417,9920		1.767.196.800	

Đơn giá tạm ứng năm 2023 : 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

**THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023,
LƯU VỰC SÔNG ĐÀ**

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên xã: Sen Thượng, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
I	Cộng đồng dân cư	12.551,270	12.551,2700		5.020.508.000	
1	Cộng đồng bản Sen Thượng	4.473,620	4.473,6200	400.000	1.789.448.000	
2	Cộng đồng bản Tả Khoa Pá	771,500	771,5000	400.000	308.600.000	
3	Cộng đồng bản Long San	1.363,460	1.363,4600	400.000	545.384.000	
4	Cộng đồng bản Chiêu Sùng	719,510	719,5100	400.000	287.804.000	
5	Cộng đồng bản Tả Ló San	2.901,380	2.901,3800	400.000	1.160.552.000	
6	Cộng đồng bản Pa Ma	1.954,030	1.954,0300	400.000	781.612.000	
7	Cộng đồng bản Lò San Chải	367,770	367,7700	400.000	147.108.000	
II	Ủy ban nhân dân xã	74,710	74,7100		29.884.000	
1	UBND xã Sen Thượng	74,710	74,7100	400.000	29.884.000	
III	Tổ chức khác	98,120	98,1200		39.248.000	
1	Đồn Biên Phòng xã Sen Thượng	98,120	98,1200	400.000	39.248.000	
Tổng cộng		12.724,100	12.724,1000		5.089.640.000	

Đơn giá tạm ứng năm 2023 : 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023,
LƯU VỰC SÔNG ĐÀ**

(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên xã: Nậm Vì, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
I	Cộng đồng dân cư	1.962,860	1.962,8600		785.144.000	
1	Cộng đồng bản Cây Sồ	84,230	84,2300	400.000	33.692.000	
2	Cộng đồng bản Vang Hồ	316,020	316,0200	400.000	126.408.000	
3	Cộng đồng bản Huổi Cầu	164,250	164,2500	400.000	65.700.000	
4	Cộng đồng bản Huổi Lúm	404,520	404,5200	400.000	161.808.000	
5	Cộng đồng bản Nậm Vì	848,000	848,0000	400.000	339.200.000	
6	Cộng đồng bản Huổi Chạ 2	78,220	78,2200	400.000	31.288.000	
7	Cộng đồng bản Huổi Chạ 1	67,620	67,6200	400.000	27.048.000	
II	Ủy ban nhân dân xã	85,220	85,2200		34.088.000	
1	Ủy ban nhân dân xã Nậm Vì	85,220	85,2200	400.000	34.088.000	
Tổng (I+II)		2.048,080	2.048,0800		819.232.000	

Đơn giá tạm ứng năm 2023 : 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ TẠM ỨNG NĂM 2023, LƯU VỰC SÔNG ĐÀ
(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày / /2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên xã: Huổi Léch, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
I	Hộ gia đình, cá nhân	36,760	36,7600		14.704.000	
Bản Huổi Léch						
1	Mùa Chờ Páo	1,350	1,3500	400.000	540.000	
2	Cứ A Ténh	1,300	1,3000	400.000	520.000	
Bản Nậm Mỳ 2						
3	Hạng A Lênh	1,030	1,0300	400.000	412.000	
4	Lù A Sỷ	1,750	1,7500	400.000	700.000	
5	Sùng A Vàng	0,630	0,6300	400.000	252.000	
Bản Cây Sặt						
6	Mùa Pa Hà	13,900	13,9000	400.000	5.560.000	
7	Hạng A Trừ	1,960	1,9600	400.000	784.000	
8	Tráng A Lử	14,040	14,0400	400.000	5.616.000	
Bản Nậm Hính 1						
9	Lù A Dơ	0,800	0,8000	400.000	320.000	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá tạm ứng (đồng/ha)	Số tiền tạm ứng (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)	(7)
II	Cộng đồng dân cư	3.092,960	3.092,9600		1.237.184.000	
1	Cộng đồng bản Cây Sặt	999,290	999,2900	400.000	399.716.000	
2	Cộng đồng bản Huổi Léch	188,070	188,0700	400.000	75.228.000	
3	Cộng đồng bản Nậm Mỳ 1	223,850	223,8500	400.000	89.540.000	
4	Cộng đồng bản Nậm Hính 2	1.493,670	1.493,6700	400.000	597.468.000	
5	Cộng đồng bản Nậm Mỳ 2	152,770	152,7700	400.000	61.108.000	
6	Cộng đồng bản Nậm Pan 2	35,310	35,3100	400.000	14.124.000	
III	Ủy ban nhân dân xã	2.094,470	2.094,4700		837.788.000	
1	Ủy ban nhân dân xã Huổi Léch	2.094,470	2.094,4700	400.000	837.788.000	
Tổng cộng (I+II+III)		5.224,190	5.224,1900		2.089.676.000	

Đơn giá tạm ứng năm 2023 : 400.000 đồng

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền